

Số: **80** /2021/TT-BQP

Hà Nội, ngày **08** tháng **7** năm 2021

THÔNG TƯ

Quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ; quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Thời hạn người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ.

2. Danh mục các nhóm ngành, ngành công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác (chức danh) đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng thuộc diện cán bộ quản lý (sau đây viết gọn là cán bộ) và quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, lao động hợp đồng không thuộc diện bố trí cán bộ (sau đây viết gọn là nhân viên) trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng và Chương V Nghị định số 59/2019/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là đơn vị); cán bộ, nhân viên đang công tác tại các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Chuyển đổi vị trí công tác được áp dụng đối với cán bộ, nhân viên không giữ chức vụ chỉ huy, quản lý ở các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ nghiệp vụ các ngành Tòa án quân sự, Kiểm sát quân sự, thực hiện theo quy định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Người có chức vụ, quyền hạn*, là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do tuyển dụng, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó, bao gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong đơn vị thuộc Quân đội nhân dân;

b) Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Người giữ chức danh, chức vụ quản lý trong đơn vị;

d) Những người khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ và có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

2. *Người quản lý doanh nghiệp*, là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

3. *Người thôi giữ chức vụ*, là người có chức vụ, quyền hạn về một trong các lĩnh vực quy định tại Điều 6 Thông tư này theo quy định của pháp luật, được cấp có thẩm quyền giải quyết chế độ nghỉ hưu, phục viên, chuyển ra khỏi đơn vị Quân đội, thôi việc hoặc bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc thực hiện quy định thời hạn đối với người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã thuộc lĩnh vực trước đây mình có trách nhiệm quản lý sau khi thôi giữ chức vụ tuân thủ theo các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể cấp ủy, chính ủy, chính trị viên (bí thư) và người chỉ huy các cấp. Chuyển đổi vị trí công tác tiến hành thường xuyên theo kế hoạch, được công bố công khai trong nội bộ đơn vị.

3. Quá trình thực hiện chuyển đổi vị trí công tác phải khách quan, công tâm, minh bạch, khoa học và phù hợp với nhóm ngành chuyên môn nghiệp vụ trong đơn vị; chống biểu hiện lợi dụng, tiêu cực bè phái, chủ nghĩa cá nhân gây mất đoàn kết nội bộ.

4. Khi thực hiện chuyển đổi vị trí công tác không làm tăng, giảm biên chế của đơn vị.

5. Đối với cán bộ giữ chức vụ chỉ huy quản lý, việc chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong Quy chế lãnh đạo công tác cán bộ và Quy định về luân chuyển và điều động thực tế cán bộ của Quân ủy Trung ương.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Thực hiện việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, nhân viên trái với nhóm ngành, ngành chuyên môn nghiệp vụ đang làm hoặc đang phụ trách.

2. Chuyển đổi vị trí công tác những cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh có cấp bậc quân hàm cao xuống chức danh có cấp bậc quân hàm thấp; cán bộ, nhân viên đảm nhiệm chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ có trình độ cao xuống chức danh biên chế quy định tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ thấp và ngược lại, nhằm mục đích nâng loại (ngạch) hoặc hạ loại (ngạch) lương.

3. Lợi dụng các quy định về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác vì mục đích vụ lợi hoặc để trừ dập cán bộ, nhân viên.

Chương II

LĨNH VỰC, THỜI HẠN NGƯỜI CÓ CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG QUÂN ĐỘI KHÔNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, GIỮ CHỨC DANH, CHỨC VỤ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN, CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN, CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY HỢP DANH, HỢP TÁC XÃ THUỘC LĨNH VỰC TRƯỚC ĐÂY MÌNH CÓ TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ SAU KHI THÔI GIỮ CHỨC VỤ

Điều 6. Các lĩnh vực

Người có chức vụ, quyền hạn quy định tại Điều này là người trực tiếp thực hiện công việc tại đơn vị cấp lữ đoàn và tương đương trở lên, thuộc các lĩnh vực:

1. Kế hoạch và đầu tư, tài chính, kinh tế, trang bị, vật tư, hậu cần, kỹ thuật;
2. Thanh tra quốc phòng;
3. Quản lý nghiên cứu đề tài khoa học;
4. Quản lý ngân hàng trong Quân đội;
5. Quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng thành lập hoặc được giao quản lý; người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 7. Thời hạn

1. Trong thời gian 12 tháng, kể từ khi thôi giữ chức vụ, quyền hạn trong các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, người có chức vụ, quyền hạn trong Quân đội